

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON NOONG BUA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin kết quả hoạt động giáo dục tại thời điểm tháng 05
Năm học 2024-2025**

(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

S T T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được cuối năm học 2024-2025								
			Toàn trường		Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			Số lượng trẻ đạt	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	207	100				46	45	55	61
		Trẻ học nhóm ghép	207	100							
		Trẻ học 2 buổi/ ngày	207	100				46	45	55	61
		Trẻ khuyết tật hòa nhập	0					0			
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	207	100				46	45	55	61
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm theo nhu cầu khuyến nghị	207	100				46	45	55	61
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	207	100				46	45	55	61
		Trẻ được cân- đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	207	100				46	45	55	61

	cho trẻ	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	204	98,6				46	45	53	60
			Trẻ có chiều cao bình thường	203	98,1				46	43	53	61
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3	1,4				0	1	2	1
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	4	1,9				0	2	2	0
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	0	0				0	0	0	0
			Trẻ thừa cân	0	0				0	0	0	0
			Trẻ béo phì	0	0				0	0	0	0
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần		207	100				46	45	55	61
4	Trẻ đi học chuyên cần			201	97,1				42	43	55	61
	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ được đánh giá ở mức “Đạt”	207	100				46	45	55	61
			Trẻ được đánh giá ở mức “ Chưa Đạt”	0	0				0	0	0	0
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		61								61
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến độ		0								

Noong Bua, ngày 9 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lý

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON NOONG BUA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về cơ sở vật chất tại thời điểm tháng 05

Năm học 2024-2025

(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Diện tích (m2)		Bình quân m2/trẻ em	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Tổng diện tích đất toàn trường (m2)	5,188		25.06 m2/trẻ em	
1	Điểm Trung tâm	5,188		25.06 m2/trẻ em	
II	Khối phòng hành chính, quản trị	Số lượng		Diện tích (m2)	
1	Phòng Hiệu trưởng	01		16	
2	Phòng Phó hiệu trưởng	02		41	
3	Phòng dành cho nhân viên	01		20,5	
4	Phòng bảo vệ	01		11.9	
5	Văn phòng trường	01		45	
6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	01		37.5	
7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	01		76	
III	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ	Số lượng	Diện tích (m2)	Bình quân m2/trẻ em	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Phòng/Khu sinh hoạt chung	9	447	2,15m2/trẻ em	1,5 m2/trẻ
2	Phòng/ khu sinh vệ sinh	9	105	0,5 m2/trẻ	0,4 m2/trẻ

3	Hiên chơi đón trẻ	9	235.3	1,13 m2/trẻ	-
4	Kho nhóm/ lớp	9			-
5	Phòng giáo dục thể chất	1	45	-	-
6	Phòng giáo dục nghệ thuật	1	65	-	-
7	Sân chơi	1	3484	-	-
IV	Khối phòng tổ chức ăn	Số lượng	Diện tích (m2)	Bình quân m2/trẻ em	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Nhà bếp	03	68	0,69m2/trẻ	0,3m2/trẻ em
V	Khối phụ trợ	Số lượng	Diện tích (m2)	Bình quân m2/trẻ em	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Phòng y tế	01	17	-	-
2	Nhà kho	01	44.7	-	-
3	Cổng trường	01		-	-
VI	Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Tổng số	Số bộ/nhóm/lớp	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	9	01/01	01 bộ/01 nhóm/lớp	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		../...	 bộ/... nhóm/lớp	
VII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		...bộ/01 sân trường	...bộ/01 sân trường	
VIII	Tổng số thiết bị điện tử- tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10	Số thiết bị/ nhóm/lớp		

1				
2				
3				
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhó/lớp	
1				
2				
3				
4				
		Có	Không	
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x		
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x		
XII	Kết nối Internet	x		
XIII	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x		

XIV	Tường rào xây	x	
XV	Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy	x	

Noong Bua, ngày 9 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lý

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON NOONG BUA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tại thời điểm tháng 05
Năm học 2024-2025**

(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

1	Nhân viên kế toán	01			01										
2	Nhân viên bảo vệ	02						02							

Noong Bua, ngày 9 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lý

